HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 110/2014/NQ-HĐND	*Tuy Hòa, ngày 25 tháng 7 năm 2014*

NGHỊ QUYẾT
Về chính sách thu hút, đào tạo, đãi ngộ bác sĩ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg, ngày 30/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống Y tế Việt Nam đến năm 2010 tầm nhìn đến năm 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 30/TTr-UBND, ngày 04/7/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách thu hút, đào tạo, đãi ngộ bác sĩ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020; Tờ trình số 34/TTr-UBND, ngày 11/7/2014 của UBND tỉnh về việc bổ sung đối tượng bác sĩ được hưởng chính sách đãi ngộ vào Đề án "Chính sách để thu hút, đào tạo, đãi ngộ bác sĩ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020"; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành chính sách thu hút, đào tạo, đãi ngộ bác sĩ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020 với những nội dung kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2014.

2. Các nội dung không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết số 51/2012/NQ-HĐND, ngày 14/9/2012 của HĐND tỉnh về "Chính sách đào tạo sau đại học trong nước và đào tạo sau đại học ở nước ngoài; chính sách thu hút, sử dụng trí thức" và các quy định khác hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

HĐND tỉnh giao:

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2014./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHÍNH SÁCH THU HÚT, ĐÀO TẠO, ĐÃI NGỘ BÁC SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2014-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 110/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Phú Yên)

A. MỤC TIÊU

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung:

Đảm bảo đội ngũ công chức, viên chức ngành Y tế Phú Yên đủ về số lượng bác sĩ với trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất, đạo đức tốt để thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn 2014-2020; góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh đạt tỷ lệ 9 bác sĩ/vạn dân. Để đạt mục tiêu trên thì số bác sĩ cần có thêm 446 bác sĩ.

- Giai đoạn 2014-2020: Thu hút 280 bác sĩ và bác sĩ có trình độ sau đại học.

- Đào tạo 166 y sĩ liên thông lên bác sĩ, bác sĩ cử tuyển, bác sĩ theo địa chỉ; 167 bác sĩ chính quy.

- Đào tạo 150 bác sĩ có trình độ sau đại học.

B. NỘI DUNG

I. Chính sách thu hút

1. Đối tượng:

Bác sĩ, Bác sĩ có trình độ sau đại học tốt nghiệp tại các trường đại học, học viện có uy tín trong nước (theo danh mục được UBND tỉnh công bố), tuổi đời không quá 40 tuổi (đối với bác sĩ, bác sĩ chuyên khoa I, thạc sĩ, bác sĩ nội trú), không quá 45 tuổi (đối với bác sĩ chuyên khoa II, tiến sĩ), những trường hợp đặc biệt (chuyên gia đầu ngành, có nhiều kinh nghiệm) tuổi đời có thể trên 45 tuổi; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng, vừa tốt nghiệp, hoặc đang công tác ở các tỉnh, thành phố trong cả nước có nguyện vọng và cam kết về làm việc tại tỉnh Phú Yên và chấp hành sự phân công công tác của cơ quan có thẩm quyền. Chính sách này không áp dụng cho đối tượng là bác sĩ đào tạo hệ liên thông, cử tuyển và đào tạo theo địa chỉ.

2. Mục tiêu: Từ năm 2014-2020 thu hút được 280 bác sĩ và bác sĩ có trình độ sau đại học.

3. Chế độ, chính sách:

Bác sĩ về làm việc tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp y tế công lập của ngành y tế Phú Yên; Trường Cao đẳng Y tế; Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh sau khi tiếp nhận và phân công công tác thì được hưởng chính sách theo quy định tại Điểm B, Mục I của Nghị quyết số 51/2012/NQ-HĐND về chính sách đào tạo sau đại học trong nước và đào tạo sau đại học ở nước ngoài; chính sách thu hút, sử dụng trí thức. Riêng khoản tiền trợ cấp một lần thực hiện theo Quy định này, cụ thể như sau:

a) Đối với bác sĩ:

- Tốt nghiệp loại giỏi: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Tốt nghiệp loại khá: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);
- Tốt nghiệp loại trung bình, trung bình khá: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

b) Đối với bác sĩ có trình độ sau đại học:

- Giáo sư: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);
- Phó Giáo sư: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng);
- Tiến sĩ y khoa: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Bác sĩ chuyên khoa II: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng);
- Thạc sĩ, bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa I: 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

4. Quyền lợi:

a) Được bố trí làm việc phù hợp với chuyên môn, năng lực, sở trường tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập ngành Y tế Phú Yên. Đối với bác sĩ tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc được ưu tiên bố trí làm việc tại các đơn vị y tế tuyến tỉnh.

b) Sau 2 năm công tác, nếu có nguyện vọng và đủ điều kiện đi đào tạo ở trình độ cao hơn thì được xem xét cử đi học và được hưởng các chế độ hỗ trợ đi học theo quy định hiện hành. Trường hợp do nhu cầu của đơn vị, có thể cử đi học sớm hơn, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể.

5. Quy trình tiếp nhận, bố trí công tác:

a) Sở Y tế tiếp nhận hồ sơ của các đối tượng thu hút và gửi về Sở Nội vụ.

b) Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Hội đồng xét tuyển tỉnh xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Hồ sơ xin bố trí công tác và xét hưởng chính sách được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Thời gian: Trong vòng 10 ngày kể từ khi Sở Y tế nhận đủ hồ sơ, các đơn vị có chức năng trình UBND Tỉnh phê duyệt.

6. Nghĩa vụ và trách nhiệm:

Bác sĩ về làm việc tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập ngành y tế Phú Yên có nghĩa vụ và trách nhiệm như sau:

a) Chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự phân công, bố trí công tác của cấp có thẩm quyền và các quy định của cơ quan nơi công tác.

b) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

c) Cam kết làm việc tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập ngành y tế Phú Yên với thời gian trên 10 năm kể từ ngày quyết định nhận công tác.

7. Xử lý vi phạm:

a) Đối tượng tham gia chính sách thu hút phải bồi thường gấp 03 (ba) lần kinh phí đã hỗ trợ, nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:

- Không chấp hành sự phân công công tác;
- Bị kỷ luật buộc thôi việc;
- Đơn phương chấm dứt hợp đồng;
- Tự ý bỏ việc.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định bồi thường kinh phí, đối tượng phải nộp đầy đủ kinh phí bồi thường theo quy định. Quá thời hạn trên, nếu không chấp hành việc bồi thường thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp đối tượng tham gia chính sách thu hút phục vụ chưa đủ thời gian làm việc theo cam kết, mức bồi thường được tính theo phép tính như sau:

$$X = (3 \times M/T1) \times (T1 - T2)$$

Trong đó: X: Mức đền bù; M: Tổng kinh phí đã cấp cho người tham gia Đề án; T1: Thời gian cam kết phục vụ (tính bằng tháng); T2: Thời gian đã phục vụ (tính bằng tháng).

8. Kinh phí thực hiện:

- Theo Đề án thì số lượng cán bộ thu hút về tỉnh từ năm 2014-2020 là 280 bác sĩ và bác sĩ có trình độ sau đại học.
- Dự kiến kinh phí thực hiện: 49.482 triệu đồng.

II. Chính sách đào tạo bác sĩ và bác sĩ có trình độ sau đại học

1. Mục tiêu:

- Phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh đạt tỷ lệ 9 bác sĩ/vạn dân.
- Đào tạo 166 y sĩ liên thông lên bác sĩ, bác sĩ cử tuyển, bác sĩ theo địa chỉ; 167 bác sĩ chính quy.
- Đào tạo 150 bác sĩ có trình sau đại học.

2. Đối tượng:

- Công chức, viên chức công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp y tế công lập của ngành y tế Phú Yên; Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội (thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội).

- Sinh viên là người có hộ khẩu thường trú tại Phú Yên đang theo học bác sĩ từ năm thứ 1 đến năm thứ 6, hệ chính quy tại các trường đại học, học viện có uy tín trong nước (theo danh mục được UBND Tỉnh công bố).

3. Điều kiện, tiêu chuẩn:

Có nguyện vọng được cống hiến và làm việc tại tỉnh, có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng (đã được cơ quan chức năng xem xét kết luận về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay), có ý thức tổ chức kỷ luật tốt và nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phải có cam kết làm việc tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập ngành y tế Phú Yên ít nhất là 10 năm sau khi được đào tạo.

a) Đối với công chức, viên chức:

- Nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành Y tế, của cơ quan, đơn vị. Được cơ quan có thẩm quyền cử đi học theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Chuyên ngành đào tạo đại học, sau đại học phải phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm đang đảm nhiệm hoặc chức danh được quy hoạch.

- Đối với người được cử đi đào tạo đại học thì tuổi đời (tính từ thời điểm cử đi đào tạo) không quá 40 tuổi tính từ thời điểm cử đi học; sau đại học lần đầu thì tuổi đời không quá 45 tuổi. Trường hợp cử đi học sau đại học từ lần thứ 2 trở đi thì tuổi đời không quá 45 tuổi đối với nữ và không quá 50 tuổi đối với nam.

- Công chức, viên chức được cử đi học theo các chương trình đào tạo khác thì thực hiện theo yêu cầu, tiêu chuẩn do chương trình đó quy định. Các trường hợp đặc biệt, do Hội đồng xét tuyển xem xét riêng, trình UBND Tỉnh xem xét, quyết định. Riêng cán bộ lãnh đạo, quản lý từ cấp phó, trưởng phòng của Sở và tương đương trở lên được cộng thêm 05 tuổi.

- Trở về công tác tại cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Phú Yên sau khi tốt nghiệp khóa học.

b) Đối với sinh viên:

- Có hộ khẩu thường trú cùng cha, mẹ hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng đang công tác, sinh sống, làm việc tại tỉnh Phú Yên. Có cam kết công tác ít nhất 10 năm tại Phú Yên và chấp hành sự phân công công tác của cơ quan có thẩm quyền.

- Đáp ứng được tiêu chí xét tuyển theo quy định.

4. Chế độ, chính sách:

a) Các đối tượng được cử đi đào tạo sau đại học thực hiện theo Nghị quyết số 51/2012/NQ-HĐND về chính sách đào tạo sau đại học trong nước và đào tạo sau đại học ở nước ngoài; chính sách thu hút, sử dụng trí thức.

b) Đối với đào tạo liên thông từ y sĩ lên bác sĩ, bác sĩ cử tuyển, bác sĩ theo địa chỉ tại các trường đại học, học viện có uy tín trong nước được cấp học phí theo quy định và 10 triệu đồng sau khi có bằng tốt nghiệp bác sĩ. Riêng bác sĩ cử tuyển

được hỗ trợ sinh hoạt phí 20 triệu đồng/người/năm đối với người dân tộc thiểu số và 15 triệu đồng/người/năm cho các đối tượng còn lại.

c) Đối với sinh viên đang học bác sĩ từ năm thứ nhất đến năm thứ sáu tại các trường đại học, học viện có uy tín trong nước được hỗ trợ gồm học phí và sinh hoạt phí là 10 triệu đồng/1 năm học; Sau khi có bằng tốt nghiệp bác sĩ được hỗ trợ 10 triệu đồng và khi về công tác tại tỉnh Phú Yên được tiếp tục hưởng chính sách thu hút theo quy định của đề án này. Nếu có sinh viên và gia đình có nhu cầu ứng trước kinh phí trợ cấp trong 6 năm học tập thì giải quyết mức 150 triệu đồng chi cho sinh viên trung bình khá, mỗi năm nhận bình quân 25 triệu đồng. Khi tốt nghiệp nếu đạt loại khá, loại giỏi thì được truy nhận phần chênh lệch còn lại.

5. Quyền lợi:

a) Đối với công chức, viên chức được chọn đưa đi đào tạo sau đại học của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định trên, ngoài ra còn có các quyền lợi khác như:

- Được cơ quan, đơn vị bố trí thời gian, sắp xếp công việc và tạo điều kiện thuận lợi để đi học. Trong thời gian cử đi học được hưởng tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có) theo quy định hiện hành của nhà nước và được tính thời gian xét nâng bậc lương thường xuyên;

- Sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo được phân công, bố trí công tác phù hợp, được tạo điều kiện và môi trường để phát huy tốt năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo;

- Sau ít nhất 10 năm công tác tại tỉnh Phú Yên liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ nếu có nguyện vọng chuyển, đổi vị trí công tác thì được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Nhà nước (thời gian được tính từ thời điểm tốt nghiệp khóa đào tạo).

b) Đối với sinh viên đang học bác sĩ từ năm thứ nhất đến năm thứ sáu tại các trường đại học, học viện có uy tín trong nước đã được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí đào tạo sau khi tốt nghiệp ra trường công tác tại tỉnh Phú Yên còn được hưởng chính sách thu hút theo quy định này.

6. Trách nhiệm:

a) Trong thời gian đào tạo, cuối mỗi học kỳ và mỗi năm học, các đối tượng được chọn đưa đi đào tạo phải gửi kết quả học tập cho cơ quan đang công tác và Sở Y tế.

b) Thực hiện đúng nội dung Bản cam kết đã ký; chấp hành sự phân công công tác của cơ quan quản lý sau khi tốt nghiệp khóa học.

c) Đối với đối tượng đào tạo sau đại học ở nước ngoài phải tôn trọng, chấp hành pháp luật của Việt Nam và pháp luật, quy định của cơ sở đào tạo của nước sở tại; các quy định của chính sách này; chấp hành sự quản lý của cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại.

d) Đối với sinh viên đang học bác sĩ từ năm thứ nhất đến năm thứ sáu tại các trường đại học, học viện có uy tín; trong vòng 30 ngày sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo hoặc có giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo, phải trình diện và báo cáo cho cơ quan, đơn vị, địa phương đã đề nghị cho đi học để sắp xếp, bố trí công tác.

đ) Tốt nghiệp khóa đào tạo theo đúng thời gian quy định của cơ sở đào tạo. Trường hợp không tốt nghiệp khóa đào tạo theo đúng thời gian quy định trên, được tiếp tục học tập, nghiên cứu đến khi tốt nghiệp khóa đào tạo nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày phải tốt nghiệp khóa đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo và phải tự chi trả mọi chi phí trong thời gian này.

7. Hồ sơ, quy trình xét chọn và phương thức thanh toán tiền hỗ trợ làm luận văn tốt nghiệp:

a) Trên cơ sở chỉ tiêu đã đăng ký, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động cử đối tượng đi học tham gia dự tuyển đại học và sau đại học trình Sở Y tế phê duyệt; Sau khi đối tượng được cử đi học có thông báo trúng tuyển, lập hồ sơ gửi về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Hội đồng xét tuyển của tỉnh xem xét, trình UBND Tỉnh quyết định được hưởng chính sách đào tạo.

b) Khi đối tượng được cử đi học có bằng tốt nghiệp; cơ quan, đơn vị, địa phương cử đối tượng đi học có trách nhiệm làm văn bản đề nghị cấp kinh phí giải quyết chế độ, chính sách hỗ trợ đào tạo.

c) Thủ tục hồ sơ để xét hưởng chính sách và thanh toán tiền hỗ trợ làm luận văn tốt nghiệp được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

8. Bồi hoàn chi phí đào tạo:

a) Người được cử đi đào tạo phải bồi hoàn gấp 3 lần chi phí đã nhận từ ngân sách Tỉnh theo quy định của Nhà nước, nếu vi phạm một trong các lỗi sau:

- Bị buộc thôi học;
- Tự ý bỏ học;
- Sau 12 tháng kể từ ngày được gia hạn để tiếp tục học tập nghiên cứu hoàn thành tốt nghiệp khóa đào tạo nhưng vẫn không tốt nghiệp khóa học;
- Chưa chấp hành đủ thời gian làm việc theo Bản cam kết;
- Không trở về công tác tại cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Phú Yên sau khi tốt nghiệp khóa học;
- Không chấp hành sự phân công, bố trí công tác trong thời gian đã cam kết.

b) Đối với các trường hợp có lý do chính đáng, như: đau ốm; bệnh tật; trường hợp bất khả kháng không phải lỗi của người được cử đi học và các trường hợp đặc biệt khác, UBND Tỉnh xem xét từng trường hợp cụ thể để xử lý cho phù hợp.

9. Kinh phí thực hiện:

a) Kinh phí đào tạo bác sĩ sau đại học: Dự kiến kinh phí thực hiện từ năm 2014-2020 khoảng 14.455 triệu đồng, trong đó:

- Chi hỗ trợ sinh hoạt phí: 5.417 triệu đồng;
- Chi hỗ trợ tiền đi lại: 275 triệu đồng;

- Chi hỗ trợ học phí: 4.283 triệu đồng;

- Chi hỗ trợ luận văn tốt nghiệp: 4.480 triệu đồng.

b) Kinh phí đào tạo y sĩ liên thông lên bác sĩ, bác sĩ cử tuyển, bác sĩ theo địa chỉ từ năm 2014-2020 là 12.758 triệu đồng.

c) Kinh phí hỗ trợ sinh viên đang học bác sĩ từ năm thứ nhất đến năm thứ sáu từ năm 2014-2020: 10.420 triệu đồng.

III. Chính sách đãi ngộ bác sĩ đang công tác tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh từ năm 2014-2020

1. Mục đích:

Để kịp thời động viên, khuyến khích các bác sĩ hiện đang công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp y tế công lập ngành Y tế Phú Yên, trong tình trạng thiếu bác sĩ, nhất là tuyến cơ sở, vùng miền núi để đáp ứng được nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân.

2. Đối tượng:

Công chức, viên chức công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp y tế công lập của ngành Y tế Phú Yên; Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; Hội Đông y tỉnh; Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội (thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội); Trường Cao đẳng Y tế (trừ giáo viên trường Cao đẳng Y tế đã được hưởng phụ cấp đứng lớp).

Bác sĩ đang công tác trong ngành Công an tỉnh, Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh và bác sĩ làm công tác bảo hiểm y tế tại Bảo hiểm xã hội tỉnh.

3. Chính sách:

a) Bác sĩ công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập ngành Y tế Phú Yên, Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội (thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội) ngoài được hưởng chế độ lương, phụ cấp theo quy định còn được hưởng chính sách đãi ngộ bác sĩ (gọi tắt là hỗ trợ) hàng tháng như sau:

- Bác sĩ: 1,5 lần mức lương cơ sở;

- Bác sĩ Nội trú, Thạc sĩ Bác sĩ, Bác sĩ Chuyên khoa cấp 1: 02 lần mức lương cơ sở;

- Bác sĩ (Chuyên khoa cấp 2): 03 lần mức lương cơ sở;

- Bác sĩ (Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ): 04 lần mức lương cơ sở.

b) Bác sĩ công tác trong các cơ quan hành chính của ngành y tế Phú Yên, bác sĩ làm công tác quản lý Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên, Hội Đông y tỉnh ngoài được hưởng chế độ lương, phụ cấp theo quy định còn được hỗ trợ hàng tháng bằng 70% của mức hỗ trợ cho bác sĩ công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập ngành y tế Phú Yên.

c) Bác sĩ đang công tác trong ngành Công an tỉnh, Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh và bác sĩ làm công tác bảo hiểm y tế tại Bảo hiểm xã hội tỉnh được hưởng 50% mức hỗ trợ của bác sĩ công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế

công lập ngành y tế Phú Yên.

4. Trách nhiệm và nghĩa vụ:

a) Chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự phân công, bố trí công tác của cấp có thẩm quyền và các quy định của cơ quan nơi công tác.

b) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao hàng năm.

5. Kinh phí thực hiện: Dự kiến kinh phí từ năm 2014-2020: 92,153 tỷ đồng.

*** Tổng kinh phí thực hiện Đề án:** 179,267 tỷ đồng cho 7 năm; trong đó nguồn sự nghiệp 175 tỷ đồng, nguồn hành chính 4 tỷ đồng, bình quân mỗi năm cần đến 25,6 tỷ đồng để thực hiện cho 3 chính sách nêu trên.

Đối với các bác sĩ đã đăng ký tham gia chính sách đào tạo sau đại học trong nước và đào tạo sau đại học ở nước ngoài; chính sách thu hút, sử dụng trí thức theo Nghị quyết số 51/2012/NQ-HĐND, ngày 14/9/2012 của HĐND tỉnh nhưng chưa được xét hoặc chưa nhận tiền thu hút, hỗ trợ đào tạo thì được xem xét cho hưởng theo chính sách này.

Đối với các bác sĩ đã được hưởng chính sách thu hút theo Nghị quyết số 51/2012/NQ-HĐND, ngày 14/9/2012 của HĐND tỉnh cho đến khi chính sách này được ban hành có hiệu lực thì được truy nhận phần chênh lệch còn lại theo quy định tại chính sách này.

(Kèm theo các phụ lục từ số 1 đến số 5)

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

Phụ lục 1
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THU HÚT CÁN BỘ Y TẾ VỀ TỈNH PHÚ YÊN TỪ NĂM 2014 ĐẾN NĂM 2020

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung ưu đãi	Mức hưởng	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng cộng
			Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	
	Bác sĩ																
1	- Loại giỏi	250	2	484	3	750	2	500	0	0	1	250	1	250	1	250	**2.484**
2	- Loại khá	200	9	2.200	13	2.600	14	2.800	17	3.400	15	3.000	14	2.800	12	2.400	**19.200**
3	- Loại trung bình, TB khá	150	19	4.248	25	3.750	23	3.450	26	3.900	22	3.300	31	4.650	30	4.500	**27.798**
	Tổng cộng		**30**	**6.932**	**41**	**7.100**	**39**	**6.750**	**43**	**7.300**	**38**	**6.550**	**46**	**7.700**	**43**	**7.150**	**49.482**

Phụ lục 2
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO CÁN BỘ Y TẾ TỪ NĂM 2014 ĐẾN NĂM 2020

ĐVT: 1.000 đồng

Nội dung ưu đãi	Định mức chi	Thời gian học tập		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng kinh phí
				sl g	K.phí	Sl g	K.phí	Sl g	K.phí	Sl g	K.phí	Sl g	K.phí	Slg	K.phí	Sl g	K.phí	
Đào tạo sau đại học																		
Hỗ trợ sinh hoạt phí				***36***	***445.740***	***52***	***732.780***	***50***	***696.900***	***57***	***822.480***	***61***	***894.240***	***61***	***894.240***	***63***	***930.120***	***5.416.500***

- Đi học từ 1 - 5 tháng	920	/tháng	5	tháng	15	**69.000**	15	**69.000**	15	**69.000**	15	**69.000**	15	**69.000**	15	**69.000**	15	**69.000**	483.000
- Đi học 6 tháng trở lên	1.495	/tháng	12	tháng	21	**376.740**	37	**663.780**	35	**627.900**	42	**753.480**	46	**825.240**	46	**825.240**	48	**861.120**	4.933.500
Hỗ trợ tiền đi lại	***1.000***	***/năm***			***21***	***21.000***	***37***	***37.000***	***35***	***35.000***	***42***	***42.000***	***46***	***46.000***	***46***	***46.000***	***48***	***48.000***	***275.000***
Hỗ trợ học phí					***21***	***289.000***	***37***	***560.000***	***35***	***575.000***	***42***	***691.000***	***46***	***735.000***	***46***	***696.000***	***48***	***737.000***	***4.283.000***
-Tiến sĩ	50.000	/năm	2	năm	1	50.000	1	50.000			1	50.000	1	50.000					200.000
- BS CK II	30.000	/năm	2	năm	1	**30.000**	6	**180.000**	10	**300.000**	10	**300.000**	10	**300.000**	10	**300.000**	11	**330.000**	1.740.000
- BS CK I	11.000	/năm	2	năm	18	**198.000**	24	**264.000**	12	**132.000**	13	**143.000**	15	**165.000**	16	**176.000**	17	**187.000**	1.265.000
- Thạc sĩ/BS Nội trú	11.000	/năm	2	năm	1	**11.000**	6	**66.000**	13	**143.000**	18	**198.000**	20	**220.000**	20	**220.000**	20	**220.000**	1.078.000
Hỗ trợ luận văn tốt nghiệp					***21***	***560.000***	***16***	***520.000***	***19***	***580.000***	***23***	***760.000***	***23***	***660.000***	***23***	***660.000***	***25***	***740.000***	4.480.000
-Tiến sĩ	120.000	/lần			**1**	**120.000**					1	**120.000**							240.000
- BS CK II	60.000	/lần			1	**60.000**	5	**300.000**	5	**300.000**	5	**300.000**	5	**300.000**	5	**300.000**	6	**360.000**	1.920.000
- Thạc sĩ, BS CK1	20.000	/lần			19	**380.000**	11	**220.000**	14	**280.000**	17	**340.000**	18	**360.000**	18	**360.000**	19	**380.000**	2.320.000
TỔNG						**1.315.740**		**1.849.780**		**1.886.900**		**2.315.480**		**2.335.240**		**2.296.240**		**2.455.120**	**14.454.500**

Đào tạo liên thông, cử tuyển, theo địa chỉ																		
Hỗ trợ sinh hoạt phí																		
Bác sĩ cử tuyển:																		
- Dân tộc thiểu số	20.000	/năm	6	năm	**3**	**60.000**	**5**	**100.000**	**8**	**160.000**	**11**	**220.000**	**14**	**280.000**	**17**	**340.000**	**20**	**400.000**	**1.560.000**
- Đối tượng còn lại	15.000	/năm	6	năm	**0**	**0**	**1**	**15.000**	**1**	**15.000**	**1**	**15.000**	**1**	**15.000**	**1**	**15.000**	**1**	**15.000**	**90.000**
Hỗ trợ học phí																		
- BS liên thông	10.000	/năm	4	năm	13	**130.000**	30	**300.000**	52	**520.000**	74	**740.000**	73	**730.000**	72	**720.000**	54	**540.000**	**3.680.000**
- BS cử tuyển	12.000	/năm	6	năm	3	**36.000**	6	**72.000**	9	**108.000**	12	**144.000**	15	**180.000**	18	**216.000**	21	**252.000**	**1.008.000**
- BS theo địa chỉ	34.000	/năm	6	năm	5	**170.000**	10	**340.000**	15	**510.000**	20	**680.000**	25	**850.000**	30	**1.020.000**	35	**1.190.000**	**4.760.000**
Hỗ trợ sau khi tốt nghiệp																		
- Bác sĩ	10.000	/năm			21	**210.000**	25	**250.000**	30	**300.000**	30	**300.000**	20	**200.000**	20	**200.000**	20	**200.000**	**1.660.000**
TỔNG						**606.000**		**1.077.000**		**1.613.000**		**2.099.000**		**2.255.000**		**2.511.000**		**2.597.000**	**12.758.000**
TỔNG CỘNG I + II						**1.921.740**		**2.926.780**		**3.499.900**		**4.414.480**		**4.590.240**		**4.807.240**		**5.052.120**	**27.212.500**

Phụ lục 3

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO SINH VIÊN Y KHOA TỪ NĂM 2014 ĐẾN NĂM 2020

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung ưu đãi	Định mức chi		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng kinh phí
				slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	
I	***Hỗ trợ học phí & sinh hoạt***			***151***	***1.510.000***	***149***	***1.490.000***	***138***	***1.380.000***	***132***	***1.320.000***	***122***	***1.220.000***	***92***	***920.000***	***91***	***910.000***	***8.750.000***
1	Sinh viên năm thứ 1	10.000	/năm	16	160.000	16	160.000	15	150.000	15	150.000	15	150.000	15	150.000	15	150.000	1.070.000
2	Sinh viên năm thứ 2	10.000	/năm	45	450.000	16	160.000	16	160.000	15	150.000	15	150.000	15	150.000	15	150.000	1.370.000
3	Sinh viên năm thứ 3	10.000	/năm	25	250.000	45	450.000	16	160.000	16	160.000	15	150.000	15	150.000	15	150.000	1.470.000
4	Sinh viên năm thứ 4	10.000	/năm	21	210.000	25	250.000	45	450.000	16	160.000	16	160.000	15	150.000	15	150.000	1.530.000
5	Sinh viên năm thứ 5	10.000	/năm	26	260.000	21	210.000	25	250.000	45	450.000	16	160.000	16	160.000	15	150.000	1.640.000
6	Sinh viên năm thứ 6	10.000	/năm	18	180.000	26	260.000	21	210.000	25	250.000	45	450.000	16	160.000	16	160.000	1.670.000
II	***Hỗ trợ sau khi tốt nghiệp***																	
	Sinh viên tốt nghiệp	10.000	/lần	18	180.000	26	260.000	21	210.000	25	250.000	45	450.000	16	160.000	16	160.000	1.670.000

	Tổng cộng				**1.690.000**		**1.750.000**		**1.590.000**		**1.570.000**		**1.670.000**		**1.080.000**		**1.070.000**	**10.420.000**

Phụ lục 4

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ CÁN BỘ Y TẾ PHÚ YÊN TỪ NĂM 2014 ĐẾN NĂM 2020

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung ưu đãi	Mức hưởng/ tháng	Mức hưởng /năm	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng cộng
				Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	Slg	K.phí	
I	**Quản lý hành chính**			**21**	**420.210**	**21**	**420.210**	**21**	**420.210**	**20**	**391.230**	**20**	**391.230**	**19**	**371.910**	**13**	**260.820**	**2.675.820**
	BS CK2	2.415	28.980	3	86.940	3	86.940	3	86.940	2	57.960	2	57.960	2	57.960	2	57960	**492.660**
	BS NT, Thạc sĩ , CK1	1.610	19.320	15	289.800	15	289.800	15	289.800	15	289.800	15	289.800	14	270.480	9	173880	**1.893.360**
	Bác sĩ	1.208	14.490	3	43.470	3	43.470	3	43.470	3	43.470	3	43.470	3	43.470	2	28980	**289.800**
II	**Ban BVCS,SKCB**			**4**	**62.790**	**4**	**62.790**	**4**	**62.790**	**4**	**62.790**	**4**	**62.790**	**4**	**62.790**	**4**	**62.790**	**439.530**
	BS CK2	2.415	28.980		-		-		-		-		-		-		0	**0**
	BS NT, Thạc sĩ , CK1	1.610	19.320	1	19.320	1	19.320	1	19.320	1	19.320	1	19.320	1	19.320	1	19320	**135.240**
	Bác sĩ	1.208	14.490	3	43.470	3	43.470	3	43.470	3	43.470	3	43.470	3	43.470	3	43470	**304.290**
III	**Sự nghiệp Y tế**			**409**	**10.474.200**	**469**	**11.667.900**	**500**	**12.261.300**	**534**	**12.909.900**	**554**	**13.248.000**	**592**	**13.979.400**	**620**	**14.496.900**	**89.037.600**
	GS, PGS, Tiến sĩ	4.600	55.200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**0**
	BS CK2	3.450	41.400	20	828.000	20	828.000	20	828.000	19	786.600	19	786.600	17	703.800	17	703.800	**5.464.800**

CÔNG BÁO/Số 23+24/Ngày 05-8-2014

	BS NT, Thạc sĩ , CK1	2.300	27.600	231	6.375.600	224	6.182.400	217	5.989.200	212	5.851.200	201	5.547.600	199	5.492.400	190	5.244.000	**40.682.400**
	Bác sĩ	1.725	20.700	158	3.270.600	225	4.657.500	263	5.444.100	303	6.272.100	334	6.913.800	376	7.783.200	413	8.549.100	**42.890.400**
	TỔNG CỘNG (I + II + III)			**434**	**10.957.200**	**494**	**12.150.900**	**525**	**12.744.300**	**558**	**13.363.920**	**578**	**13.702.020**	**615**	**14.414.100**	**637**	**14.820.510**	**92.152.950**

Ghi chú: Mức lương tối thiểu tại thời điểm tháng 7/2013 là 1.150.000 đồng.

Phụ lục 5
BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ CHI TỪ NĂM 2014-2020

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí thực hiện			Mức bình quân chi/năm		
		Tổng số	Nguồn SN	Nguồn HC	**BQ chung**	Nguồn SN	Nguồn HC
(a)	(b)	**(1)= (3) + (4)**	(3)	(4)	**(5)=(1)/7**	(6)=(3)/7	(7)=(4) / 7
1	Chính sách thu hút	49.482	49.482		7.069	7.069	0
2	Chính sách đào tạo	27.213	26.422	791	3.888	3.775	113
3	Đào tạo sinh viên	10.420	10.420		1.489	1.489	0
4	Chính sách ưu đãi	92.153	89.038	3.115	13.165	12.720	445
	Tổng cộng	**179.267**	**175.361**	**3.906**	**25.610**	**25.052**	**558**

**** Ghi chú***:
- Nguồn SN: chi từ nguồn sự nghiệp đào tạo;
- Nguồn HC: chi từ nguồn hành chính.